TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/DS -ST
Ngày: 22/10/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Văn Cảnh
2. Ông Bùi Trung Thành.

- Th- ký phiên toà:
Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện **E**.

Hôm nay ngày 22/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **E** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST- DS ngày 25/6/2018 về việc*: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXX-ST ngày 12/9/2018 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn*:* Ông **Phạm Hùng A** - Sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn **C**, xã **D**, huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh **Lê Xuân B** - Sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn **F**, xã **G**, huyện **E**, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông **A**, anh **B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2018 và đơn đề nghị ngày 10/8/2018 nguyên đơn ông Phạm Hùng **A** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Xuân **B** phải trả nợ số tiền vay còn lại là 14.540.000đ và yêu cầu Tòa án tính lãi tính lãi với khoản tiền vay trên là 0,95%/tháng và thời gian kể từ ngày vay 09/5/2016, với tổng số tiền lãi là 4.025.000đ, tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 18.565.000đ.

*Tại bản tự khai cũng nh□các tài liệu khác ông Phạm Hùng **A** trình bày*: Xuất phát từ mối quan hệ giữa ông và anh Lê Xuân **B** là chổ quen biết. Ngày 09/5/2016 anh **B** có vay của ông số tiền 17.540.000đ, ông đồng ý cho anh **B** vay số tiền trên; mục đích vay để anh **B** buôn bán cây cảnh, thời hạn trả nợ là từ 09/5/2016 đến 20/5/2016, hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, trong giấy có thỏa thuận lãi suất là 5% tháng, việc vay nợ này là giữa cá nhân ông với anh **B**.

Đến hạn trả nợ anh **B** đã không trả cho ông đồng nào. Ông đã nhiều lần yêu cầu anh **B** trả nợ, nhưng anh **B** cứ khất lần và không chịu trả cho ông. Mãi đến

ngày 25/8/2016 anh **B** mới trả cho ông 2.000.000đ, ngày 26/01/2017 anh **B** trả thêm được 1.000.000đ.

Ngày 10/8/2018 ông có đơn đề nghị xin rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện, cụ thể: Trong giấy vay tiền ngày 09/5/2016 hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, nhưng nay ông chỉ yêu cầu tính lãi suất là 0,95%/tháng. Cụ thể:

+ Từ ngày 09/5/2016 đến ngày 25/8/2016(Ngày cháu Lê Thị Thu **H** cầm 2.000.000đ xuống nhà trả nợ gốc cho ông) với mức lãi là 0,95%/tháng x 03 tháng 16 ngày x 17.540.000đ = 588.750đ. Sau khi trừ đi 2.000.000đ tiền gốc, tiền gốc còn lại là 15.540.000đ và tiền lãi suất là 588.750đ.

+ Từ ngày 25/8/2016 đến ngày 26/01/2017(Ngày cháu Lê Thị Thu **H** cầm 1.000.000đ xuống nhà trả nợ gốc cho ông) là 05 tháng, với mức lãi suất là 0,95%/tháng x 05 tháng x 15.540.000đ = 738.150đ. Sau khi trừ đi 1.000.000đ tiền gốc, số tiền gốc còn nợ là 14.540.000đ.

+ Từ ngày 26/01/2017 đến ngày 10/8/2018(Ngày ông làm đơn khởi kiện) là 19 tháng 16 ngày, với mức lãi suất là 0,95%/tháng x 19 tháng 16 ngày x 14.540.000đ = 2.698.100đ.

Nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Xuân **B** phải trả cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc là 14.540.000đ, lãi suất 0,95%/tháng, tổng số tiền lãi suất là 4.025.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi suất: 18.565.000đ.

*Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Lê Xuân **B** trình bày*:

Vào ngày 09/5/2016 anh có vay của ông Phạm Hùng **A** số tiền 5.000.000đ, hai bên có viết giấy vay, thỏa thuận lãi suất là 8.000đ/triệu/ngày, mục đích vay là để buôn bán cây cảnh, thời hạn vay là 05 ngày trả cả lãi và gốc. Đến hạn anh không trả được nợ cho ông **A**, tính đến ngày 09/8/2016 cả tiền lãi và gốc là 9.300.000đ, anh trả cho ông **A** được 2.000.000đ, sau đó anh có yêu cầu ông **A** tính lãi tháng nhưng ông **A** không nghe; anh đã trả thêm được cho ông **A** 3.000.000đ, trồng cây xanh cho nhà ông **A** là 1.700.000đ, anh đưa cho con gái cầm tiền xuống trả cho ông **A** 02 lần với tổng số tiền là 3.000.000đ. Như vậy tổng số tiền anh trả cho ông **A** là 9.700.000đ.

Nay ông **A** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh phải trả số tiền nợ gốc là 14.540.000đ và lãi suất 0,95%/tháng, với số tiền lãi suất là 4.025.000đ, quan điểm của anh: Về số tiền gốc và tính lãi suất 0,95%/tháng, anh hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì. Anh xin trả dần cho ông **A**. Nếu ông **A** không đồng ý thì anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay ông **A** vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, anh **B** vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]*Xét quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật điều chỉnh và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung hợp đồng có thỏa thuận về lãi suất, có thỏa thuận về thời điểm thanh toán nên hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi theo quy định tại Điều 463; Điều 465; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 470 BLDS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Xuân **B** thừa nhận có vay của ông Phạm Hùng **A** số tiền 17.540.000đ, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của ông **A**, căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật và chấp nhận sự thống nhất của các bên về khoản tiền gốc là 17.540.000đ. Xong anh **B** nại đã trả cho ông **A** được 9.700.000đ.

Nguyên đơn ông **A** chỉ thừa nhận việc anh **B** đã trả số tiền 3.000.000đ cho ông, cụ thể là ngày 25/8/2016 là 2.000.000đ và ngày 26/01/2017 là 1.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay anh **B** không có chứng cứ nào xuất trình thể hiện việc anh đã trả cho ông **A** tổng số tiền 9.700.000đ. Do đó không có cơ sở kết luận ông **A** đã nhận tiền 9.700.000đ của anh **B**, chỉ chấp nhận một phần lời nại của anh **B** là việc anh **B** trả cho ông **A** số tiền 3.000.000đ ở 02 ngày như trên.

Quá trình vay bị đơn là anh Lê Xuân **B** không thực hiện đúng cam kết về thời gian trả nợ, anh **B** là ng- ời có lỗi đã vi phạm về thời hạn trả nợ, gây khó khăn cho việc thu hồi công nợ nhiều lần khất lần không chịu trả. Do đó yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Hùng **A** buộc anh Lê Xuân **B** phải trả toàn bộ tiền gốc 14.540.000đ cho ông là có cơ sở. Đối với lãi suất: Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng nhưng đến nay ông **A** chỉ yêu cầu tính lãi suất 0,95%/tháng, anh **B** thống nhất với mức lãi suất và thời gian tính lãi mà ông **A** yêu cầu như trong đơn đề nghị ngày 10/8/2018. Xét mức lãi suất mà ông **A** yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm xét xử sơ thẩm, nên chấp nhận. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hùng **A** buộc anh Lê Xuân **B** phải trả cho ông **A** số tiền gốc là 14.540.000đ và lãi suất là 4.025.000đ. Tổng cộng cả tiền nợ gốc và lãi suất là 18.565.000đ.

[3]Về án phí: Ông **A** khởi kiện đ- ợc Tòa án chấp nhận, do đó ông **A** không phải chịu án phí có giá ngạch về số tiền tranh chấp.

Anh **B** là bị đơn trong vụ kiện, yêu cầu của ông **A** đ- ợc Tòa án chấp nhận, nên buộc anh **B** phải chịu 928.000đ án phí dân sự sơ phẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 465, khoản 4 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 92; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hùng **A**.

2- Buộc anh Lê Xuân **B** có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hùng **A** số tiền gốc là 14.540.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*) và số tiền lãi suất là 4.025.000đ(*Bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi suất là 18.565.000đ(*Mười tám triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Phạm Hùng **A** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh **B** không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên cho ông **A** thì hàng tháng anh **B** còn phải trả thêm khoản tiền lãi cho ông **A** đối với số tiền vay gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015*.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Xuân **B** phải chịu 928.000đ(*Chín trăm hai mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho ông Phạm Hùng **A** số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 890.000đ(*Tám trăm chín mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2015/0004074 ngày 20/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đ□ơng sự;
*- VKS ND huyện **E**;*
*- Chi cục THA DS huyện **E**;*
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L□u hồ sơ vụ án.

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Lê Ngọc Lâm

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *VKSNDTXSS*;
- *THA DS TXSS;*
- *TAND tỉnh TH*;
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa